

Số: 10492/BTC-TCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

V/v tăng cường công tác quản lý
hoàn thuế GTGT

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính Phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Bộ Tài chính đã trình Quốc Hội, Chính Phủ ban hành nhiều chính sách về thuế theo hướng tạo thuận lợi nhất cho người nộp thuế. Đồng thời, Bộ Tài chính đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo ngành thuế và các đơn vị có liên quan để tăng cường công tác quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa và xử lý những hành vi vi phạm, gian lận trong hoàn thuế giá trị gia tăng.

Tuy nhiên, tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng 6 tháng đầu năm tiếp tục diễn biến phức tạp. Một số Cục Thuế (Cục Thuế thành phố Hà Nội, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh,...) đã phát hiện, xử lý đối với một số doanh nghiệp lợi dụng chính sách của Nhà nước, có những thủ đoạn, hành vi gian lận mới để chiếm đoạt tiền hoàn thuế của ngân sách nhà nước. Nhiều Cục Thuế chưa chủ động phát hiện và phòng ngừa những hành vi vi phạm trong quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng; công tác thanh tra, kiểm tra hoàn thuế còn hạn chế; tỷ lệ thanh tra, kiểm tra trước và sau hoàn thuế chưa đạt yêu cầu (cụ thể tại phụ lục số 01 kèm theo).

Nhằm đảm bảo toàn ngành thuế thực hiện đúng mục tiêu, yêu cầu nêu tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính Phủ là “xây dựng và công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm hoàn đúng quy định của pháp luật, ít nhất 90% hoàn thuế theo đúng thời gian quy định”, đồng thời, đảm bảo thực hiện chi hoàn thuế theo dự toán hoàn thuế giá trị gia tăng năm 2015 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 78/2014/QH13 ngày 10/11/2014, Bộ Tài chính yêu cầu đồng chí Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện:

1. Yêu cầu đồng chí Cục trưởng Cục Thuế (danh sách các Cục Thuế chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo): Báo cáo nguyên nhân về việc 6 tháng đầu năm không thực hiện thanh tra, kiểm tra hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra tỷ lệ thấp dưới 10% đối với các quyết định hoàn thuế trước, kiểm tra sau đã ban hành trong 6 tháng đầu năm 2015. Thời hạn gửi báo cáo về Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế là trước ngày 15/8/2015.

2. Thực hiện đúng quy định “hoàn thuế đúng chế độ 100% và đảm bảo ít nhất 90% hoàn thuế theo đúng thời gian quy định”. Đây là một chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2015 của Thủ trưởng cơ quan thuế các cấp và của từng phòng/Chi cục Thuế trực thuộc. Thời gian giải quyết hoàn thuế của cơ quan thuế các cấp được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế và được tính kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn của người nộp thuế đầy đủ, đúng quy định đến ngày cơ quan thuế ban hành Quyết định hoàn thuế hoặc ban hành các thông báo về kết quả giải quyết hoàn (trong trường hợp hồ sơ đề nghị hoàn thuế không đáp ứng được điều kiện về hoàn thuế giá trị gia tăng) và gửi cho người nộp thuế.

Giao cho Tổng cục Thuế thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng của toàn quốc và thực hiện công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế giá trị gia tăng trước ngày 30/10/2015 theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính Phủ.

3. Cục trưởng Cục Thuế có trách nhiệm giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng dự toán hoàn thuế giá trị gia tăng trong phạm vi được giao và đảm bảo chi hoàn thuế đúng, kịp thời đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa để xuất khẩu có doanh số xuất khẩu đạt từ 5 triệu USD trở lên; các dự án đầu tư trọng điểm của quốc gia; dự án đầu tư mới quan trọng trên địa bàn.

Trường hợp số dư dự toán hoàn thuế giá trị gia tăng của Cục Thuế không đủ phải có văn bản báo cáo Tổng cục Thuế kịp thời để được xem xét giải quyết.

4. Thực hiện kiểm tra 100% trước khi hoàn thuế đối với các trường hợp có rủi ro cao trong quản lý thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng

Cục Thuế, Chi cục Thuế thực hiện việc phân loại, giải quyết hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính, công văn số 875/BTC-TCT ngày 17/01/2015 và công văn số 10024/BTC-TCT ngày 22/7/2014 của Bộ Tài chính.

5. Hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau theo quy định của Luật Quản lý thuế nhưng thuộc loại có rủi ro cao thì cơ quan Thuế phải thực hiện kiểm tra kỹ hồ sơ, khi phát hiện có dấu hiệu nghi vấn, cơ quan thuế phải có văn bản đề nghị người nộp thuế giải trình; hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản của cơ quan thuế nhưng người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế, hoặc có giải trình, bổ sung nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng, hoặc có dấu hiệu gian lận hoàn thuế thì phải chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau, khi đó phải căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra để thực hiện hoàn thuế và đồng chí Cục trưởng Cục Thuế phải chịu trách nhiệm về quyết định hoàn thuế; áp dụng chủ yếu đối với các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp kinh doanh thương mại xuất khẩu có doanh thu lớn hơn nhiều lần so với số vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu (từ 3 lần trở lên); không có cơ sở vật chất (như: kho hàng, phương tiện vận tải, hệ thống các cửa hàng,...) tương ứng quy mô doanh thu.

- Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu không qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính.

- Doanh nghiệp kinh doanh thương mại mà số thuế GTGT đề nghị hoàn nhỏ hơn hoặc bằng số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa tồn kho.

- Doanh nghiệp có cùng mức thuế suất thuế GTGT đầu vào và đầu ra đề nghị hoàn “trong 12 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết”.

- Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư, doanh nghiệp đang hoạt động có dự án đầu tư nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất, chưa được cấp giấy phép xây dựng... liên quan đến dự án; dự án đầu tư trong đó có hạng mục đầu tư không sản xuất hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, hạng mục đầu tư không trực tiếp sản xuất kinh doanh (trụ sở văn phòng, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, công viên, vườn hoa...); dự án đầu tư xây dựng khu hỗn hợp (bao gồm trung tâm thương mại, thuê văn phòng, căn hộ chung cư để bán...).

- Doanh nghiệp thuộc danh sách rủi ro cao của cơ quan Hải quan.

- Doanh nghiệp có giao dịch thanh toán liên quan đến tổ chức, cá nhân có giao dịch đáng ngờ theo danh sách cảnh báo của cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng và thanh tra Ngân hàng Nhà nước.

- Doanh nghiệp mới thành lập trong thời gian 24 tháng trở lại tính đến ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế, trừ doanh nghiệp trực tiếp sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

- Doanh nghiệp bên mua và bên bán có quan hệ thân thân (bố, mẹ, vợ chồng, anh em...), có cùng chủ sở hữu, quan hệ liên kết có dấu hiệu bất thường.

- Lập doanh nghiệp ở địa phương này nhưng kinh doanh mua, bán sản phẩm, hàng hóa sản xuất ở địa phương khác có dấu hiệu bất thường.

- Doanh nghiệp có số thuế hoàn tăng đột biến (trên 20% so với cùng kỳ năm trước).

6. Thực hiện thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế:

Cục Thuế, Chi cục Thuế thực hiện kiểm tra, thanh tra đảm bảo 100% số hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra sau trong thời hạn 1 năm đối với các trường hợp hướng dẫn tại Khoản 4(a) Điều 58 Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và các hồ sơ hoàn thuế có dấu hiệu rủi ro nêu tại Điểm 5 công văn này.

Tổng cục Thuế tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác hoàn thuế GTGT tại các Cục Thuế. Cục Thuế tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác hoàn thuế GTGT tại các phòng, Chi cục Thuế để đảm bảo công tác hoàn thuế giá trị gia tăng được thực hiện đúng, kịp thời, chặt chẽ và đảm bảo cơ quan thuế các cấp triển khai đầy đủ các biện pháp thanh tra, kiểm tra hoàn thuế giá trị gia tăng.

7. Không thực hiện hoàn thuế đối với:

- Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu qua cửa khẩu chính, phụ, đường mòn, lối mở biên giới đất liền,... không có hoặc có nhưng không đảm bảo tính phù hợp giữa các chứng từ: hợp đồng xuất khẩu; tờ khai hải quan có xác nhận thực xuất của cơ quan Hải quan; hóa đơn xuất khẩu/hóa đơn GTGT; chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa mua vào, hàng hóa xuất khẩu; chứng từ chứng minh về vận tải.

Cục Thuế thống kê và báo cáo các trường hợp đã hoàn thuế đối với người nộp thuế có hoạt động xuất khẩu qua cửa khẩu phụ, đường mòn, lối mở biên giới đất liền về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) chậm nhất trước ngày 30/8/2015.

- Doanh nghiệp có chứng từ thanh toán từ tài khoản vãng lai của khách hàng nước ngoài mở tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động ở Việt Nam không đáp ứng đầy đủ các quy định tại Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, công văn số 10024/BTC-TCT ngày 22/7/2014 của Bộ Tài chính về một số biện pháp tăng cường công tác quản lý thuế, hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu qua biên giới đất liền, hoặc có chứng từ thanh toán qua ngân hàng nhưng không đảm bảo đầy đủ các thông tin, nội dung ghi trên chứng từ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- Doanh nghiệp kinh doanh đối với những hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng được điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư.

- Chứng từ thanh toán bằng hối phiếu từ tài khoản ngân hàng nước ngoài qua tổ chức tín dụng được phép hoạt động ở Việt Nam mà trên hối phiếu không có đầy đủ các thông tin của khách hàng nước ngoài theo hợp đồng xuất khẩu, không có thông tin đầy đủ về người mua hàng hoặc thông tin không phù hợp với hợp đồng xuất khẩu, cụ thể: 1) Tên và số hiệu của chứng từ; 2) Ngày, tháng, năm lập chứng từ; 3) Tên, địa chỉ, số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, số hiệu tài khoản của người trả (hoặc chuyển) tiền; Tên, địa chỉ của ngân hàng phục vụ người trả (hoặc người chuyển) tiền; 4) Tên, địa chỉ, số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, số hiệu tài khoản của người thụ hưởng số tiền trên chứng từ; Tên, địa chỉ của ngân hàng phục vụ người thụ hưởng; 5) Số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính ghi bằng số; tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền phải ghi bằng số và bằng chữ (trường hợp thông tin về “số lượng, đơn giá” của nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được thể hiện rõ tại hóa đơn bán hàng, hợp đồng mua bán, tờ khai hàng hóa xuất khẩu) có liên quan thì người trả (hoặc người chuyển) tiền phải ghi rõ “Thanh toán cho hóa đơn mua hàng (hoặc hợp đồng mua bán, hoặc tờ khai hàng hóa xuất khẩu) số ... ngày ...” có liên quan tại phần thông tin “Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh” để thay thế cho thông tin “số lượng, đơn giá” của nghiệp vụ kinh tế phát sinh; 6) Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh (tổ chức tín dụng phải ghi rõ theo thông tin do bên trả tiền cung cấp); 7) Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người liên quan đến chứng từ kế toán...).

8. Cục trưởng Cục Thuế chỉ đạo rà soát toàn bộ các hồ sơ đã hoàn thuế có chứng từ thanh toán bằng hối phiếu để thực hiện thu hồi số tiền thuế giá trị gia tăng đã hoàn, xử lý vi phạm (nếu có) và báo cáo về Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế chậm nhất trước ngày 30/8/2015.

9. Công tác xử lý hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu: việc kiểm tra, rà soát tính hợp lệ, tính chính xác của chứng từ hoàn thuế; cũng như công tác kiểm tra, thanh tra hồ sơ hoàn thuế cho hàng hóa xuất khẩu đối với Tờ khai hải quan xuất khẩu thì cơ quan Thuế phải tra cứu hồ sơ hải quan trên cơ sở dữ liệu do cơ quan Hải quan cung cấp theo Quy chế trao đổi thông tin và phối hợp công tác giữa cơ quan Hải quan và cơ quan Thuế ban hành kèm theo Quyết định số 574/QĐ-BTC ngày 30/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để đối chiếu đảm bảo tờ khai khớp đúng với tờ khai trên cơ sở dữ liệu trao đổi thông tin. Trường hợp không có đủ các thông tin theo hướng dẫn về trách nhiệm của cơ quan Hải quan và các thủ tục kèm theo quy định tại Luật Hải quan thì không được khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng.

- Trường hợp, hàng hóa, dịch vụ mua vào có hợp đồng và hóa đơn lập và ký sau ngày hàng hóa có xác nhận thực xuất của cơ quan Hải quan thì dừng khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng; đồng thời chuyển cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý hoặc phải thực hiện thanh tra hoàn thuế để có căn cứ xử lý.

- Trường hợp qua kiểm tra, thanh tra hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng phát hiện doanh nghiệp mua hàng hóa dịch vụ có sử dụng hóa đơn của các doanh nghiệp đã được thông báo bỏ địa điểm kinh doanh thì đối với các hóa đơn phát hành sau ngày cơ quan Thuế thông báo doanh nghiệp bỏ địa điểm kinh doanh và các hóa đơn phát hành trước ngày cơ quan Thuế thông báo doanh nghiệp bỏ địa điểm kinh doanh nhưng đã được các cơ quan chức năng khẳng định là hóa đơn bất hợp pháp không được khấu trừ, hoàn thuế. Trường hợp hóa đơn phát hành trước ngày cơ quan Thuế thông báo doanh nghiệp bỏ địa điểm kinh doanh, nhưng doanh nghiệp bán hàng hóa, dịch vụ đang bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra về hành vi mua bán hóa đơn bất hợp pháp, trốn thuế, gian lận thuế, chưa được các cơ quan chức năng khẳng định là hóa đơn bất hợp pháp thì dừng khấu trừ, hoàn thuế đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng với các hóa đơn đó cho đến khi có kết luận của cơ quan chức năng (kể cả trường hợp doanh nghiệp bán hàng hóa, dịch vụ đã khai thuế, nộp thuế GTGT đầu ra đối với các hóa đơn đó).

- Không thực hiện hoàn thuế GTGT đối với chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc chưa thực hiện bù trừ với số thuế GTGT phải nộp trong kỳ của doanh nghiệp trụ sở chính.

10. Cục Thuế, Chi cục Thuế tiếp tục thực hiện nghiêm các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về các biện pháp, giải pháp liên quan đến hoàn thuế giá trị gia tăng và thanh tra, kiểm tra, đảm bảo phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trên địa bàn nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm về hoàn thuế giá trị gia tăng, trường hợp người nộp thuế có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng về thuế, có dấu hiệu tội phạm, cơ quan Thuế đề nghị và chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để cung cấp thông tin xác minh hoặc điều tra, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nộp thuế và những người nộp thuế khác có liên quan.

Thực hiện trao đổi thông tin và phối hợp công tác giữa cơ quan Hải quan và cơ quan Thuế theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 574/QĐ-BTC ngày 30/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11. Tổng cục Thuế có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra giám sát tình hình triển khai công văn này tại các Cục Thuế; tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để báo cáo Bộ Tài chính xem xét quyết định.

Đồng chí Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố quán triệt nội dung Công văn này tới các Phòng, Chi cục và công chức Thuế để thực hiện và báo cáo về Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.

Bộ Tài chính thông báo để các Cục Thuế biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên; Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để b/c); Vụ CST, PC, TTr, NSNN (BTC); Kho bạc Nhà nước; Tổng cục Hải quan; Cục Hải quan các tỉnh, TP; Vụ PC, TTr, DTTT, CS, CNTT, TCCB (TCT); Lưu: VT, TCT (VT, KK_{3b}).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

PHỤ LỤC SỐ 01

TỔNG HỢP QUYẾT ĐỊNH THANH TRA, KIỂM TRA SAU HOÀN THUẾ GTGT

(6 tháng đầu năm 2015)

(Kèm theo công văn số: 10492/BTC-TCT ngày 30/7/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: triệu đồng

STT	Cục Thuế	Kết quả thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế 6 tháng đầu năm 2015							Quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau) đã ban hành trong 6 tháng đầu năm 2015		Tỷ lệ % số quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau) được kiểm tra sau hoàn/Số quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau) đã ban hành trong 6 tháng đầu năm 2015	
		Số quyết định kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế			Số lượng người nộp thuế	Quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau) được kiểm tra sau hoàn tương ứng						
		Tổng số	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó: Quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau ban hành trong 6 tháng đầu năm 2015) được kiểm tra sau hoàn					
			Số quyết định kiểm tra	Số quyết định thanh tra			Số quyết định hoàn thuế	Số tiền đã được hoàn tương ứng	Số quyết định hoàn thuế	Số tiền đã được hoàn tương ứng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13 (=9/11)
1	AN GIANG	7	7	-	7	8	5,854	3	2,716	81	99,247	3.7%
2	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	68	64	4	68	202	1,866,783	31	341,154	175	1,543,804	17.7%
3	BẮC CẠN	2	2	-	2	2	79	2	79	6	524	33.3%
4	BẮC GIANG	5	3	2	5	18	58,150	8	20,627	69	189,298	11.6%
5	BẮC LIÊU	9	8	1	9	76	170,862	-	-	86	280,016	0.0%
6	BẮC NINH	33	27	6	31	89	870,820	9	166,828	92	1,282,873	9.8%
7	BẾN TRE	11	10	1	7	15	24,910	8	8,915	60	96,676	13.3%
8	BÌNH ĐỊNH	32	24	8	32	95	152,373	2	15,071	187	357,587	1.1%
9	BÌNH DƯƠNG	105	105	-	105	545	1,415,772	47	78,783	1,513	4,524,113	3.1%
10	BÌNH PHƯỚC	14	14	-	14	79	178,572	-	-	130	345,847	0.0%

11	BÌNH THUAN	10	9	1	12	27	28,980	-	-	69	619,630	0.0%
12	CÀ MAU	10	9	1	10	63	56,199	11	8,223	87	146,447	12.6%
13	CẦN THƠ	20	19	1	20	93	259,007	10	24,454	151	424,646	6.6%
14	CAO BANG	3	3	-	3	4	9,639	2	5,970	9	19,924	22.2%
15	ĐÀ NẴNG	37	30	7	37	62	94,981	7	6,762	191	526,245	3.7%
16	ĐẮC LẮC	12	5	7	12	43	213,633	11	114,427	36	66,909	30.6%
17	ĐẮK NÔNG	3	3	-	3	20	202,286	-	-	27	272,730	0.0%
18	DIÊN BIÊN	8	8	-	7	16	91,693	5	17,269	21	62,748	23.8%
19	ĐỒNG NAI	30	16	14	30	51	143,126	3	9,630	845	3,272,621	0.4%
20	ĐỒNG THÁP	10	10	-	9	22	77,025	5	19,280	32	134,411	15.6%
21	GIA LAI	23	15	8	15	57	105,779	-	10,903	41	173,501	0.0%
22	HÀ GIANG	5	5	-	4	15	54,466	3	19,217	7	28,406	42.9%
23	HÀ NAM	4	4	-	4	9	32,702	-	-	57	234,638	0.0%
24	HÀ NỘI	249	201	48	249	471	4,582,640	111	429,802	721	5,000,447	15.4%
25	HÀ TĨNH	6	6	-	10	19	3,366,857	4	10,778	153	3,683,928	2.6%
26	HẢI DƯƠNG	13	11	2	13	50	119,535	5	10,301	111	511,522	4.5%
27	HẢI PHÒNG	31	23	8	31	96	320,284	8	19,455	252	857,925	3.2%
28	HẬU GIANG	5	4	1	5	22	51,015	3	3,320	36	61,634	8.3%
29	HÒA BÌNH	7	7	-	7	11	14,057	1	1,169	15	9,996	6.7%
30	HƯNG YÊN	7	7	-	7	10	32,825	1	4,690	154	688,155	0.6%
31	KHÁNH HÒA	23	17	6	23	95	191,560	8	7,156	128	191,296	6.3%
32	KIÊN GIANG	9	9	-	8	42	87,004	4	4,202	49	66,607	8.2%
33	KON TUM	1	1	-	1	1	1,847	-	-	7	18,591	0.0%
34	LAI CHÂU	1	1	-	1	1	5,935	-	-	3	49,655	0.0%
35	LÂM ĐỒNG	30	29	1	30	56	223,602	9	53,177	89	440,657	10.1%
36	LẠNG SƠN	5	3	2	5	21	29,427	3	6,568	39	190,174	7.7%
37	LÀO CAI	5	2	3	5	41	508,554	-	-	35	217,806	0.0%
38	LONG AN	34	19	15	34	120	423,112	5	6,251	323	940,373	1.5%
39	NAM ĐỊNH	20	20	-	20	79	289,756	30	165,731	96	282,158	31.3%
40	NGHỆ AN	18	10	8	18	97	145,594	44	66,385	109	409,863	40.4%
41	NINH	8	4	4	8	41	290,577	1	1,109	63	563,343	1.6%

	BÌNH												
42	NINH THUẬN	22	20	2	22	36	23,558	2	3,625	16	14,808	12.5%	
43	PHÚ THỌ	9	6	3	9	28	34,701	3	5,192	114	298,279	2.6%	
44	PHÚ YÊN	5	5	-	5	5	11,797	4	11,732	18	29,108	22.2%	
45	QUẢNG BÌNH	15	15	-	15	36	137,584	-	-	37	404,548	0.0%	
46	QUẢNG NAM	21	21	-	20	67	155,340	8	39,787	72	202,230	11.1%	
47	QUẢNG NGÃI	4	4	-	4	5	50,201	2	18,480	11	85,669	18.2%	
48	QUẢNG NINH	25	25	-	24	63	750,133	14	139,205	46	422,116	30.4%	
49	QUẢNG TRỊ	3	3	-	3	4	3,955	4	3,955	5	4,346	80.0%	
50	SÓC TRĂNG	1	1	-	1	2	589	-	-	15	29,692	0.0%	
51	SƠN LA	1	1	-	1	1	1,167	1	1,167	12	59,101	8.3%	
52	TÂY NINH	13	9	4	13	45	175,364	6	38,104	45	178,460	13.3%	
53	THÁI BÌNH	11	6	5	11	33	46,272	4	4,811	147	746,448	2.7%	
54	THÁI NGUYÊN	12	12	-	-	44	763,750	2	2,259	54	599,457	3.7%	
55	THANH HÓA	43	28	15	44	44	150,052	7	20,629	78	1,503,268	9.0%	
56	THỪA THIÊN - HUẾ	27	26	1	26	142	241,402	15	30,918	77	131,586	19.5%	
57	TIỀN GIANG	14	11	3	14	101	214,535	19	48,142	140	412,792	13.6%	
58	TP HỒ CHÍ MINH	60	60	-	50	242	999,142	35	103,277	866	4,773,803	4.0%	
59	TRÀ VINH	5	5	-	5	14	16,241	1	427	27	48,567	3.7%	
60	TUYÊN QUANG	1	1	-	1	1	923	1	923	8	20,806	12.5%	
61	VĨNH LONG	7	7	-	7	40	207,290	3	18,230	35	98,494	8.6%	
62	VĨNH PHÚC	6	6	-	6	19	79,778	4	21,535	26	114,683	15.4%	
63	YÊN BÁI	10	10	-	10	14	55,698	2	23,155	18	58,201	11.1%	

**PHỤ LỤC SỐ 02
DANH SÁCH CÁC CỤC THUẾ**

(Có tỷ lệ kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế dưới 10% đối với các quyết định hoàn thuế GTGT thuộc trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau ban hành 6 tháng đầu năm 2015)

(Kèm theo công văn số: 10492/BTC-TCT ngày 30/7/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: triệu đồng

STT	Cục Thuế	Kết quả thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế 6 tháng đầu năm 2015										Quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau) đã ban hành trong 6 tháng đầu năm 2015	Tỷ lệ % số quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau) được kiểm tra sau hoàn/Số quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau) đã ban hành trong 6 tháng đầu năm 2015
		Số quyết định kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế			Số lượng người nộp thuế	Quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau) được kiểm tra sau hoàn tương ứng							
		Tổng số	Trong đó			Tổng cộng		Trong đó: Quyết định hoàn thuế (đối với trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau ban hành trong 6 tháng đầu năm 2015) được kiểm tra sau hoàn					
			Số quyết định kiểm tra	Số quyết định thanh tra		Số quyết định hoàn thuế	Số tiền đã được hoàn tương ứng	Số lượng quyết định hoàn thuế	Số tiền đã được hoàn tương ứng	Số quyết định hoàn thuế	Số tiền đã được hoàn tương ứng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13 (=9/11)	
1	AN GIANG	7	7	-	7	8	5,854	3	2,716	81	99,247	3.7%	
2	BẠC LIÊU	9	8	1	9	76	170,862	-	-	86	280,016	0.0%	
3	BẮC NINH	33	27	6	31	89	870,820	9	166,828	92	1,282,873	9.8%	
4	BÌNH ĐỊNH	32	24	8	32	95	152,373	2	15,071	187	357,587	1.1%	
5	BÌNH DƯƠNG	105	105	-	105	545	1,415,772	47	78,783	1,513	4,524,113	3.1%	
6	BÌNH PHƯỚC	14	14	-	14	79	178,572	-	-	130	345,847	0.0%	
7	BÌNH THUẬN	10	9	1	12	27	28,980	-	-	69	619,630	0.0%	
8	CẦN THƠ	20	19	1	20	93	259,007	10	24,454	151	424,646	6.6%	
9	ĐÀ NẴNG	37	30	7	37	62	94,981	7	6,762	191	526,245	3.7%	
10	ĐẮK NÔNG	3	3	-	3	20	202,286	-	-	27	272,730	0.0%	
11	ĐỒNG NAI	30	16	14	30	51	143,126	3	9,630	845	3,272,6	0.4%	

											21	
12	GIA LAI	23	15	6	15	57	105,779	-	10,903	41	173,501	0.0%
13	HÀ NAM	4	4	-	4	9	32,702	-	-	57	234,638	0.0%
14	HÀ TỈNH	6	6	-	10	19	3,366,857	4	10,778	153	3,683,928	2.6%
15	HẢI DƯƠNG	13	11	2	13	50	119,535	5	10,301	111	511,522	4.5%
16	HẢI PHÒNG	31	23	8	31	96	320,284	8	19,455	252	857,925	3.2%
17	HẬU GIANG	5	4	1	5	22	51,015	3	3,320	36	61,634	8.3%
18	HÒA BÌNH	7	7	-	7	11	14,057	1	1,169	15	9,996	6.7%
19	HƯNG YÊN	7	7	-	7	10	32,825	1	4,690	154	688,155	0.6%
20	KHÁNH HÒA	23	17	6	23	95	191,560	8	7,156	128	191,296	6.3%
21	KIÊN GIANG	9	9	-	8	42	87,004	4	4,202	49	66,607	8.2%
22	KON TUM	1	1	-	1	1	1,847	-	-	7	18,591	0.0%
23	LAI CHÂU	1	1	-	1	1	5,935	-	-	3	49,655	0.0%
24	LẠNG SƠN	5	3	2	5	21	29,427	3	6,568	39	190,174	7.7%
25	LÀO CAI	5	2	3	5	41	508,554	-	-	35	217,806	0.0%
26	LONG AN	34	19	15	34	120	423,112	5	6,251	323	940,373	1.5%
27	NINH BÌNH	8	4	4	8	41	290,577	1	1,109	63	563,343	1.6%
28	PHÚ THỌ	9	6	3	9	28	34,701	3	5,192	114	298,279	2.6%
29	QUẢNG BÌNH	15	15	-	15	36	137,584	-	-	37	404,548	0.0%
30	SÓC TRĂNG	1	1	-	1	2	589	-	-	15	29,692	0.0%
31	SƠN LA	1	1	-	1	1	1,167	1	1,167	12	59,101	8.3%
32	THÁI BÌNH	11	6	5	11	33	46,272	4	4,811	147	746,448	2.7%
33	THÁI NGUYÊN	12	12	-	-	44	763,750	2	2,259	54	599,457	3.7%
34	THANH HÓA	43	28	15	44	44	150,052	7	20,629	78	1,503,268	9.0%
35	TP HỒ CHÍ MINH	60	60	-	50	242	999,142	35	103,277	866	4,773,803	4.0%
36	TRÀ VINH	5	5	-	5	14	16,241	1	427	27	48,567	3.7%
37	VĨNH LONG	7	7	-	7	40	207,290	3	18,230	35	98,494	8.6%